TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/KDTM-ST
Ngày: 12-6-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích Chi

- *Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Thạch Thị Mỹ Kim
2. Ông Kiên Ngọc Trương

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Đặng Văn Giữ, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên, Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2024/TLST-KDTM, ngày 08 tháng 01 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-KDTM, ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần R, người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị N, Chức vụ: Tổng giám đốc, địa chỉ: Ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Người đại diện hợp pháp của bà N là bà Võ Thị Thùy L, sinh ngày 13/11/1989, địa chỉ: Ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 20/12/2023. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn C, người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Phú Q, chức vụ: Giám đốc, địa chỉ: Xóm C, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ban Q1 – Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đ. Người đại diện: Ông Võ Văn Huỳnh Lý T, sinh năm 1987, Chức vụ: Phó Giám đốc theo Quyết định số: 432/QĐ-SNN, ngày 09/10/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đ, địa chỉ: Số I, V, phường T, Thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2023 và lời khai của phía nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Võ Thị Thùy L *trình bày:*

Ngày 15/12/2020, Công ty C1 có ký kết hợp đồng kinh tế số 1501/2020 với Công ty TNHH C về việc cung cấp, lắp đặt thiết bị tưới tiêu thông minh trên điện thoại di động các trạm bơm thông minh thuộc gói thầu số 01: Xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị Hợp tác xã D1, huyện C thuộc dự án Vn SAT Đ. Khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ thanh toán, phía công ty tôi đã thực hiện kiểm tra các khoản thanh toán công nợ và nhận thấy Công ty TNHH C vẫn chưa thực hiện thanh toán giá trị hợp đồng còn lại cho công ty C1 với tổng số tiền 409.945.680đồng. Công ty chúng tôi đã nhiều lần liên hệ đề nghị Công ty C thanh toán phần nợ còn lại này nhưng phía công ty C vẫn không thực hiện thanh toán cho chúng tôi. Nhận thấy Công ty TNHH C không có thiện chí hợp tác trong việc trả tiền nợ của công ty chúng tôi đã gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công ty C1. Nay tôi đại diện cho nguyên đơn Công ty cổ phần R yêu cầu bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn C phải trả cho Công ty cổ phần R số tiền còn nợ là 409.945.680 đồng.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn* Công ty Trách nhiệm hữu hạn C *vắng mặt nên không có lời trình bày*.

- *Ông* Võ Văn Huỳnh Lý T *là người đại diện cho* Ban Quản lý dự án chuyển đổi Nông nghiệp bền vững tỉnh Q1 *vắng mặt nhưng có lời khai thể hiện nội dung:*

Ban Q1 (Ban V) xác nhận rằng: Chủ đầu tư đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính với nhà thầu là Công ty C theo quy định của hợp đồng số: 09/2020/HĐ-XD, ngày 10/02/2020 (thời điểm thanh toán hoàn thành là ngày 23/01/2021, thanh toán tiền bảo hành có kèm bảo lãnh là ngày 08/10/2022). Vì vậy, đến nay chủ đầu tư đã hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính với nhà thầu là Công ty Trách nhiệm hữu hạn C. Về vấn đề tiền nợ giữa Công ty cổ phần R với Công ty Trách nhiệm hữu hạn C thì tôi đề nghị nhà thầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán với Công ty cổ phần R. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tiến hành các thủ tục tố tụng tiếp theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn C phải trả lại cho nguyên đơn Công ty cổ phần R VIETNAM số tiền mua hàng còn nợ là 409.945.680 (bốn trăm lẻ chín triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi) đồng.

Bị đơn Công ty TNHH C vắng mặt nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ban Q1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không đương sự nào cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

về: thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng. - Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa hôm nay đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý đến thời điểm này, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 50; Điều 306 Luật Thương mại. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án". Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần R. Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn C trả cho Công ty cổ phần R VIETNAM số tiền mua hàng còn nợ là 409.945.680 (bốn trăm lẻ chín triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi) đồng.

Về án phí: Buộc bị đơn phải nộp án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án: "Tranh chấp hợp đồng mua bán", căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a, b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn C nợ tiền mua hàng của nguyên đơn Công ty cổ phần R là có thật, được thể hiện tại Hợp đồng kinh tế số: 15/01/2020 (BL 10-17) kèm theo phụ lục hợp đồng là Phụ lục 1: Phương án thi công hệ thống điều khiển tưới tiêu thông minh các trạm bơm (BL 18-34). Ngày 02/4/2021, hai công ty đã tiến hành nghiệm thu hoàn thành công tác lắp đặt và đưa vào sử dụng (BL 40-42). Sau khi thực hiện việc nghiệm thu xong thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn C không tiếp tục thực hiện việc thanh toán số tiền còn nợ là 409.945.680 (bốn trăm lẻ chín triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi) đồng nên nguyên đơn Công ty cổ phần R khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn C mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do xem như phía bị đơn cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ và cũng thể hiện bị đơn đã từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phía mình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần R yêu cầu bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn C phải trả số tiền mua hàng còn nợ là 409.945.680 (bốn trăm lẻ chín triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi) đồng cho nguyên đơn Công ty cổ phần R như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về án phí: Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn C phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn Công ty cổ phần R không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 398; 430; 440; 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 24; Điều 50; Điều 306 và Điều 317 Luật Thương mại.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần R.

Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn C phải trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần R tổng số tiền nợ là 409.945.680 (bốn trăm lẻ chín triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi) đồng.

Kể từ ngày 13/6/2024, nếu bên phải thi hành án vi phạm nghĩa vụ thanh toán nêu trên và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn C phải nộp 20.398.000 (hai mươi triệu ba trăm chín mươi tám nghìn) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự.

Công ty cổ phần R không phải nộp án phí sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 10.408.000 (mười triệu bốn trăm lẻ tám nghìn) đồng mà Công ty cổ phần R đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000066, ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú để Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TTV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Chi